

CHƯƠNG 1

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Bước vào thế kỷ XXI loài người đang chứng kiến sự đa dạng và sự khác nhau về trình độ và con đường phát triển giữa các quốc gia. Song từ đó, chúng ta cũng không khỏi không suy nghĩ xem mục tiêu và ý nghĩa đích thực của phát triển là gì; đằng sau những qui luật và tính qui luật chung của các hiện tượng và các quá trình kinh tế thì cái gì tác động và chi phối con đường và thành tựu phát triển mà mỗi quốc gia đạt được; và cần phải làm gì, làm như thế nào để lựa chọn cho mình con đường đúng đắn, phát huy được những nhân tố thuận lợi, khắc phục những nhân tố ngăn cản, kìm hãm trong quá trình phát triển? Không phải bây giờ mà ít ra đã hơn năm mươi năm nay, nhiều nhà kinh tế trên thế giới đã nghiên cứu cả lý thuyết lẫn bằng chứng để tìm kiếm lời giải đáp cho những câu hỏi đó. Những lý thuyết nghiên cứu theo chiều hướng đó thường được gọi là lý thuyết phát triển và khoa học kinh tế nghiên cứu theo hướng đó thường được gọi là Kinh tế học phát triển.

Kinh tế học phát triển “ ngoài việc nghiên cứu cách thức xã hội phân bổ có hiệu quả các nguồn lực sản xuất khan hiếm hiện có, cũng như sự phát triển bền vững của những nguồn lực này theo thời gian và những nội dung chính trị của những quyết định kinh tế, nó còn quan tâm đến những cơ chế về kinh tế, xã hội và thể chế cần thiết để ...tác động đến những chuyển đổi nhanh chóng về thể chế và cơ cấu của toàn thể xã hội, sao cho có thể mang lại một cách hiệu quả nhất những thành quả của những tiến bộ kinh tế cho hầu hết các tầng lớp nhân dân trong xã hội đó¹”. Với nội dung nghiên cứu trên đây, kinh tế học phát triển sử dụng tri thức của nhiều ngành khoa học khác nhau, trước hết là Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học vi mô, Kinh tế chính trị học, Kinh tế học công cộng...và các công cụ của Thống kê học, Kinh tế lượng, Các mô hình toán kinh tế...để phân tích định lượng trong việc nghiên cứu các hiện tượng kinh tế, xã hội phát sinh trong quá

¹ Michrauel P. Todaro: Kinh tế học cho thế giới thứ ba (Bản tiếng Việt). Nhà xuất bản Giáo dục. Hà nội năm 1998, tr 40

trình phát triển.

Tăng trưởng và phát triển kinh tế là những mục tiêu hàng đầu của các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển¹ có thu nhập bình quân đầu người thấp muốn nhanh chóng đạt được sự tiến bộ về kinh tế- xã hội và hội nhập với các nước trên thế giới.

Nghiên cứu Kinh tế học phát triển rất có ý nghĩa đối với nước ta-một trong những nước có thu nhập thấp, đang muốn chuyển nền kinh tế từ trạng thái thu nhập thấp, nghèo nàn, lạc hậu, sang trạng thái phát triển, hiện đại, có thu nhập cao nhằm cải thiện sâu rộng đời sống của mọi tầng lớp nhân dân.

I. Tăng trưởng kinh tế.

1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về lượng kết quả đầu ra của nền kinh tế trong một thời kì (thường là năm) nhất định so với kì gốc (năm gốc).

Sự gia tăng đó được thể hiện cả ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng

¹ Khái niệm các nước “đang phát triển” xuất hiện vào những năm 1960, dùng để phân biệt với các nước phát triển (đã có thời kỳ dài công nghiệp hóa và trở thành các nước công nghiệp phát triển). Đặc điểm cơ bản giống nhau giữa các nước đang phát triển là: Mức sống thấp-Năng suất lao động thấp-Tỷ lệ thất nghiệp cao-Nền kinh tế phụ thuộc vào nông nghiệp và khai thác tài nguyên, trong khi các sản phẩm xuất khẩu thường có giá trị gia tăng thấp-Phụ thuộc cao vào các quan hệ quốc tế. Tình trạng Thu nhập thấp-Tích lũy thấp-Đầu t thấp-Năng suất thấp, để rồi thu nhập thấp trở thành vòng luẩn quẩn của sự nghèo khổ của các nước đang phát triển. Mặc dù vậy, sự khác biệt giữa các nước đang phát triển cũng rất lớn. Đó là sự khác biệt về qui mô (diện tích hay dân số), điều kiện tự nhiên, bối cảnh lịch sử, thu nhập và mức độ phụ thuộc vào bên ngoài về kinh tế và chính trị.

Ở góc độ thu nhập, Ngân hàng thế giới (WB) đã phân chia các nền kinh tế thành viên của WB và các nền kinh tế khác có dân số trên 30.000 người thành 4 nhóm theo mức GNI trên đầu người năm 2001 theo đồng đôla Mỹ qui đổi theo sức mua tương đương (PPP): thu nhập thấp (LIC): 825\$ trở xuống; trung bình thấp (LMC): 826-3255\$; trung bình cao (UMC): 3256-10.065 \$ và các nền kinh tế thu nhập cao từ 10.066 \$ trở lên. Theo sự phân chia này thì số các nền kinh tế thu nhập thấp là 59; thu nhập trung bình thấp là 54; thu nhập trung bình cao là 38 và thu nhập cao gồm 24 nước thuộc OECD và 32 các nền kinh tế khác (Báo cáo phát triển Thế giới 2006 “Công bằng và phát triển” Nhà xuất bản Văn hóa-Thông tin, Hà nội 2005, tr 423-432.

phản ánh sự gia tăng tuyệt đối, trong khi đó tốc độ tăng trưởng thể hiện sự so sánh tương đối giữa các thời kì (năm).

Có thể sử dụng các thước đo sau để phản ánh quy mô và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP – Gross domestic product) là *tổng giá trị của tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng* được sản xuất ra bởi các yếu tố sản xuất trong lãnh thổ kinh tế của quốc gia trong từng thời kỳ nhất định (thường được tính cho 1 năm).

Về nguyên tắc, Tổng sản phẩm trong nước được tính theo 3 phương pháp:

* *Phương pháp sản xuất* (còn gọi là phương pháp giá trị gia tăng). Theo phương pháp này GDP được xác định bằng cách tổng hợp giá trị gia tăng của mọi doanh nghiệp (hoặc ngành) cộng với thuế nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài.

* Phương pháp thu nhập (từ thu nhập tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hóa chứ không phải là giá trị của bản thân hàng hóa)

* *Phương pháp chi tiêu về sản phẩm và dịch vụ cuối cùng*

$$GDP = C+I+G+X-M$$

Trong đó:

C là các khoản chi tiêu của các hộ gia đình về hàng hóa và dịch vụ

I là tổng đầu tư của khu vực tư nhân (không tính các khoản đầu tư tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi tiết kiệm)

G là chi tiêu của Chính phủ (không tính các khoản thanh toán chuyển giao như chi cho các dịch vụ an sinh xã hội, phúc lợi và trợ cấp thất nghiệp)

X-M là xuất khẩu ròng (giá trị kim ngạch xuất khẩu trừ đi kim ngạch nhập khẩu)

- Tổng sản phẩm quốc dân (GNI - Gross National Income) đo lường toàn bộ thu nhập hay giá trị sản xuất mà các công dân của một quốc gia tạo ra trong một thời kỳ nhất định, không kể trong hay ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Để phản ánh quy mô và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế giữa năm thứ n với năm thứ n-1 thông qua chỉ tiêu GDP¹ được tính như sau:

Quy mô tăng trưởng kinh tế của năm thứ n so với năm thứ n-1:

$$\Delta GDP_n = GDP_n - GDP_{n-1}$$

Trong đó, ΔGDP_n : Quy mô tăng trưởng GDP của nền kinh tế năm thứ n so với năm thứ n-1

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm thứ n so với năm thứ n-1:

$$g(GDP_n) = \frac{GDP_n - GDP_{n-1}}{GDP_{n-1}} = \frac{\Delta GDP_n}{GDP_{n-1}} \times 100\%$$

Trong đó, $g(GDP_n)$: Tốc độ tăng trưởng tính theo GDP của nền kinh tế năm thứ n so với năm thứ n-1. GDP được tính theo giá so sánh (GDP thực).

Chẳng hạn, GDP năm 2006 theo giá so sánh là 425.135 tỷ đồng; GDP năm 2007 theo giá so sánh là 461.189 tỷ VNĐ. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 2007 so với năm 2006 là:

$$g = \frac{GDP_{2007} - GDP_{2006}}{GDP_{2006}} = \frac{\Delta GDP_{2007}}{GDP_{2006}} = \frac{461189 - 425135}{425135} \times 100\% = 8,48\%$$

Trong trường hợp sử dụng để so sánh quốc tế, GDP được tính theo sức mua tương đương (PPP), còn để tính tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của một giai đoạn người ta có thể sử dụng công thức:

$$g = \left(\sqrt[n]{\frac{GDP_n}{GDP_0}} - 1 \right) \times 100\%$$

Trong đó: GDP_n là GDP của năm thứ n; GDP_0 là GDP của kỳ gốc của giai đoạn $[0, n]$; n là số năm của giai đoạn $[0, n]$. Chẳng hạn, GDP của năm 1995 tính theo giá so sánh là 195.567 tỷ đồng, GDP của năm 2005 là 393.031 tỷ đồng. Khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân GDP hàng năm của giai đoạn (1996-2005)

¹

GDP tính theo giá so sánh, ở nước ta hiện nay đó là giá của năm 1994.

$$\text{là: } g = \sqrt[10]{\frac{393031}{195567}} - 1 = 7,2\% / \text{năm}$$

Qui mô và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cũng có thể tính theo tổng thu nhập quốc dân (GNI –Gross National Income). Khi đó, tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế của một thời kỳ (thường là 1năm) nhất định so với kỳ (thường là năm) gốc.

Qui mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể tính trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế, cũng có thể tính theo GDP (GNI) bình quân đầu người. Qui mô và tốc độ tăng trưởng GDP (GNI) bình quân đầu người không chỉ phụ thuộc vào qui mô và tốc độ tăng trưởng GDP (GNI) của nền kinh tế, mà còn phụ thuộc vào qui mô và tốc độ gia tăng dân số của quốc gia.

2. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế

Các đầu ra của nền kinh tế là kết quả tác động qua lại của tổng mức cung và tổng mức cầu của nền kinh tế. Vì vậy, để xem xét các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng của GDP thực tế) cần phải xem xét các nhân tố tác động đến tổng cung và các nhân tố tác động đến tổng cầu của nền kinh tế.

2.1. Các nhân tố thuộc tổng cầu

Tổng mức cầu của nền kinh tế đề cập đến khối lượng mà người tiêu dùng, các doanh nghiệp và Chính phủ sẽ sử dụng: $GDP=C+I+G+X-M$. Do đó, sự biến đổi của các bộ phận trên sẽ gây nên sự biến đổi của tổng cầu và từ đó tác động đến tăng trưởng kinh tế.

Sự biến đổi của tổng cầu có thể theo hai hướng: suy giảm hay gia tăng tổng cầu. Theo hai hướng đó, tác động của sự thay đổi tổng cầu đến tăng trưởng kinh tế cũng khác nhau:

- Nếu tổng cầu sụt giảm sẽ gây ra hạn chế tăng trưởng và lãng phí các yếu tố nguồn lực vì một bộ phận không được huy động vào hoạt động kinh tế.
- Nếu tổng cầu gia tăng sẽ tác động đến hoạt động của nền kinh tế như

sau:

+ Nếu nền kinh tế đang hoạt động dưới mức sản lượng tiềm năng, thì sự gia tăng của tổng cầu sẽ giúp tăng thêm khả năng tận dụng sản lượng tiềm năng, nhờ đó mà thúc tăng trưởng kinh tế.

+ Nếu nền kinh tế hoạt động đã đạt hoặc vượt mức sản lượng tiềm năng (đường cung dài hạn là thẳng đứng) thì sự gia tăng của tổng cầu không làm gia tăng sản lượng của nền kinh tế (nghĩa là không thúc đẩy tăng trưởng) mà chỉ làm gia tăng mức giá.

2.2. Các nhân tố thuộc tổng cung

Tổng mức cung đề cập đến khối lượng sản phẩm và dịch vụ mà các ngành kinh doanh sản xuất và bán ra trong điều kiện giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất nhất định. Như vậy tổng cung liên quan chặt chẽ đến sản lượng tiềm năng. Xét theo quan điểm dài hạn, sự gia tăng sản lượng tiềm năng của nền kinh tế có tác động quyết định đến tăng trưởng kinh tế.

Các nhân tố tác động đến sản lượng tiềm năng và do đó quyết định đến tổng mức cung chính là các yếu tố đầu vào của sản xuất. Thông thường, các yếu tố sản xuất chủ yếu thường được kể đến là: vốn (K); lao động (L); tài nguyên thiên nhiên (R) và công nghệ (T). Cũng vì thế, hàm sản xuất phản ánh mối quan hệ hàm số giữa kết quả đầu ra của nền kinh tế (Y) với các yếu tố sản xuất đầu vào được biểu thị khái quát dưới dạng sau:

$$Y=F(K,L,R,T)$$

+ *Vốn (K)* là vốn vật chất bao gồm: Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, hàng tồn kho...là những yếu tố cần thiết cho quá trình sản xuất trực tiếp. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội (đường sá, cầu cống, kho bãi, sân bay, bến cảng, thông tin liên lạc, các công trình điện, nước, vận chuyển dầu, khí đốt...) nhằm hỗ trợ và kết hợp các hoạt động kinh tế với nhau. Đầu tư tăng thêm vốn làm gia tăng năng lực sản xuất, tức là gia tăng sản lượng tiềm

năng, là cơ sở để tăng thêm sản lượng thực tế có tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Đối với các nước đang phát triển, vốn đang là nhân tố khan hiếm nhất hiện nay, trong khi nó lại là khởi nguồn để có thể huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác cho tăng trưởng. Vì vậy, vốn có vai trò hết sức to lớn đối với tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Song, tác động của yếu tố này đến một mức độ nhất định sẽ có xu hướng giảm dần và sẽ thay bằng các yếu tố khác.

Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, ngoài vốn vật chất, các tài sản vô hình như giá trị thương hiệu, vị thế của doanh nghiệp, của ngành hay quốc gia và các nguồn dự trữ quốc gia, nhất là dự trữ tài chính cũng có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

+ *Lao động (L)* là một yếu tố đầu vào của sản xuất, có vai trò rất quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Lao động không chỉ thể hiện ở số lượng lao động, mà cả ở chất lượng của lao động, thể hiện đặc biệt ở kiến thức và kỹ năng mà người lao động có được thông qua giáo dục, đào tạo và tích lũy kinh nghiệm. Trong các lý thuyết kinh tế hiện đại hiện nay, người ta đánh giá rất cao vai trò của kiến thức và kỹ năng của lao động, coi đây là một loại vốn- vốn nhân lực làm tăng năng lực sản xuất của quốc gia. Ở các nước đang phát triển thường có hiện tượng thừa lao động có chất lượng thấp, nhưng lại thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật và nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hoá đất nước cũng như yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cả hai mặt đó đều có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

+ *Tài nguyên thiên nhiên*: là yếu tố đầu vào của sản xuất do thiên nhiên ban tặng như đất đai, sông biển, rừng núi, các tài nguyên động thực vật, khí hậu thời tiết, tài nguyên khoáng sản. Các nước đang phát triển có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, phong phú là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và tạo vốn trên cơ sở khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển. Tài nguyên thiên nhiên tuy quan

trọng, song không quyết định năng suất sản xuất hàng hoá, dịch vụ, do đó, không phải là nhân tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.

+ *Tiến bộ khoa học và công nghệ* cung cấp tri thức và phương pháp sản xuất. Việc đa tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất làm tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế vì nó đem đến cách tốt nhất để sản xuất các hàng hoá và dịch vụ. Đây là nhân tố quyết định đối với tăng trưởng kinh tế của mọi quốc gia trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ và toàn cầu hoá hiện nay, song đây cũng là yếu tố sản xuất khan hiếm của các nước đang phát triển.

Các mô hình tăng trưởng kinh tế tân cổ điển và mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại cố gắng lượng hoá sự đóng góp của các yếu tố sản xuất vào quá trình tăng trưởng kinh tế. Trong các mô hình này năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP-total factor productivity) được xem như là tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ đến tăng trưởng kinh tế. Trong mô hình Solow, TFP được xác định bằng phần d của tăng trưởng kinh tế sau khi đã loại trừ đóng góp của các yếu tố vốn và lao động. Khi nghiên cứu các nhân tố của tăng trưởng kinh tế, các nhà nghiên cứu kinh tế, xã hội cũng quan tâm nhiều đến ảnh hưởng của các nhân tố như: cơ cấu dân tộc, tôn giáo, đặc điểm văn hoá-xã hội và các thể chế chính trị-kinh tế- xã hội. Đặc biệt, trong những nghiên cứu gần đây các vấn đề như thể chế chính trị-kinh tế- xã hội và vốn xã hội được nhiều nhà kinh tế, xã hội quan tâm. Các nhân tố trên còn được gọi chung là các nhân tố phi kinh tế, bởi vì chúng không tham gia trực tiếp các quá trình kinh tế như là những yếu tố sản xuất đầu vào, cũng không trực tiếp biểu hiện ra như một kết quả kinh tế đầu ra cụ thể. Tuy vậy, chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh tế, bởi vì thông qua các hành vi ứng xử và các phản ứng của các cá nhân và cộng đồng mà tác động đến các quá trình kinh tế-xã hội và sự thay đổi của các quá trình đó.

Từ các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, về lý thuyết cũng như thực tiễn, người ta luôn nghiên cứu tìm ra mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển của lịch sử.

Ở giai đoạn đầu của sự phát triển mô hình tăng trưởng chủ yếu phát triển theo chiều rộng (dựa vào khai thác lợi thế của các nguồn lực sẵn có như tài nguyên thiên nhiên, lao động). Cùng với sự phát triển của lịch sử, các nguồn lực ngày càng trở nên khan hiếm, các quốc gia đã chuyển dần từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu. Đến trình độ phát triển cao của nền kinh tế xã hội, mô hình tăng trưởng chủ yếu phát triển theo chiều sâu.

Đối với Việt Nam, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay chủ yếu phát triển theo chiều rộng (khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô, đầu tư dàn trải – theo chiều rộng cho khu vực kinh tế nhà nước). Mô hình tăng trưởng đó đã bộc lộ những hạn chế, làm giảm khả năng phát triển của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hậu quả của việc duy trì quá lâu mô hình tăng trưởng theo chiều rộng đã dẫn đến việc khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động không được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nên chất lượng còn thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm cũng như của doanh nghiệp và nền kinh tế còn thấp. Tình trạng mất cân bằng sinh thái và ô nhiễm môi trường đang diễn ra ở nhiều vùng của đất nước, đời sống của nhân dân chậm được cải thiện và đang nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước. Vì vậy, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế là vấn đề có ý nghĩa rất quyết định đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay. Mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta sẽ chuyển đổi từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu.

Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong điều kiện hiện nay cần lưu ý:

- + Khả năng các nguồn lực của đất nước nói chung và từng địa phương nói riêng (lợi thế cũng như những hạn chế)
- + Đặt mô hình tăng trưởng đó trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Ảnh hưởng của mô hình tăng trưởng đó đối với việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường

+ Một mô hình tăng trưởng không thể tách rời với việc xây dựng và hoàn thiện thể chế chính trị - kinh tế - xã hội (nhất là vai trò của Nhà nước đối với tăng trưởng kinh tế).

II. Phát triển kinh tế

2.1. Khái niệm và nội dung phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là quá trình thay đổi theo hướng tiến bộ về mọi mặt của nền kinh tế, bao gồm sự thay đổi cả về lượng và về chất, là quá trình hoàn thiện cả về kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia.

Phát triển kinh tế bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tăng trưởng kinh tế, thể hiện sự gia tăng tổng thu nhập của nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người dài hạn.

- Cơ cấu kinh tế - xã hội chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Đối với các nước đang phát triển, đó là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, đô thị hoá. Đó không chỉ là quá trình thay đổi trong cơ cấu kinh tế theo ngành theo hướng tiến bộ, mà còn bao hàm việc mở rộng chủng loại và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, gia tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo cơ sở cho việc đạt được tiến bộ xã hội một cách sâu rộng.

- Là quá trình gia tăng năng lực nội sinh của nền kinh tế, đặc biệt là năng lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của mọi người dân từ kết quả tăng trưởng.

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế